

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2018-2019

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
1	Đinh Thị Lan Anh	HK1	7.8 ₉	7.5 ₃₄	8.8 ₂₃	8.2 ₃₄	9.7 ₄	9.2 ₃₄	8.1 ₁₆	7.8 ₅₀	9.4 ₁₁	7.2 ₅₁	8.6 ₂₅	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	0 0	K	T	28	TT	
		HK2	7.9 ₁₈	7.7 ₄₃	7.4 ₄₉	7.4 ₄₂	9.1 ₄₉	8.8 ₄₃	8.2 ₃₄	8.8 ₃₇	9.3 ₂₅	8.0 ₃₁	7.3 ₄₇	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₉	0 0	K	T	41	TT	
		CN	7.9 ₁₄	7.6 ₄₁	7.9 ₄₃	7.7 ₃₈	9.3 ₃₉	8.9 ₄₂	8.2 ₂₉	8.5 ₄₃	9.3 ₁₇	7.7 ₃₈	7.7 ₄₅	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₆	0 0	K	T	39	TT	L
2	Phạm Thị Hoàng Anh	HK1	8.1 ₄	8.7 ₁₂	9.6 ₆	8.8 ₁₈	9.7 ₄	9.4 ₁₅	8.6 ₈	9.8 ₂	9.4 ₁₁	9.7 ₂	9.5 ₅	Đ	Đ	Đ	9.2 ₄	7 0	G	T	4	GIOI	
		HK2	8.1 ₁₃	9.1 ₁₀	9.4 ₁₆	9.2 ₉	9.8 ₇	10 ₁	9.0 ₁₁	8.9 ₃₁	9.7 ₅	9.6 ₇	9.8 ₁	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	0 0	G	T	5	GIOI	
		CN	8.1 ₁₁	9.0 ₁₀	9.5 ₉	9.1 ₁₃	9.8 ₃	9.8 ₂	8.9 ₅	9.2 ₈	9.6 ₈	9.6 ₇	9.7 ₂	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	7 0	G	T	5	GIOI	L
3	Huỳnh Lê Thái Bảo	HK1	7.6 ₁₆	8.6 ₁₅	9.3 ₁₅	9.1 ₁₂	9.7 ₄	9.7 ₄	8.2 ₁₄	8.7 ₃₂	9.8 ₁	9.1 ₁₃	9.3 ₁₀	Đ	Đ	Đ	9.0 ₉	1 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	8.1 ₁₃	9.0 ₁₃	9.7 ₈	9.3 ₇	9.8 ₇	9.3 ₃₃	8.3 ₃₀	9.4 ₅	9.6 ₉	9.2 ₁₄	9.1 ₁₃	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₁	2 0	G	T	11	GIOI	
		CN	7.9 ₁₄	8.9 ₁₄	9.6 ₇	9.2 ₁₁	9.8 ₃	9.4 ₂₄	8.3 ₂₃	9.2 ₈	9.7 ₄	9.2 ₁₃	9.2 ₁₀	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₁	3 0	G	T	11	GIOI	L
4	Huỳnh Trần Thanh Bảo	HK1	7.2 ₂₄	9.2 ₄	8.5 ₃₀	9.5 ₄	9.4 ₂₂	9.8 ₁	8.1 ₁₆	9.2 ₉	8.5 ₃₁	8.6 ₂₁	9.5 ₅	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₂	0 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	8.1 ₁₃	9.1 ₁₀	9.3 ₁₈	9.7 ₁	9.7 ₁₈	9.7 ₁₂	9.1 ₇	9.4 ₅	8.7 ₃₁	9.1 ₁₅	9.4 ₅	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₁	0 0	G	T	11	GIOI	
		CN	7.8 ₁₇	9.1 ₈	9.0 ₂₂	9.6 ₁	9.6 ₁₉	9.7 ₅	8.8 ₁₀	9.3 ₅	8.6 ₃₁	8.9 ₁₅	9.4 ₅	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₁	0 0	G	T	11	GIOI	L
5	Ngô Đức Bình	HK1	7.1 ₃₀	7.8 ₂₉	9.4 ₁₂	9.6 ₃	9.1 ₃₇	9.2 ₃₄	7.8 ₃₁	8.6 ₃₆	7.7 ₄₅	9.0 ₁₄	7.9 ₄₄	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₁	1 0	K	T	25	TT	
		HK2	7.2 ₄₄	8.9 ₁₈	9.8 ₅	9.1 ₁₄	9.3 ₄₃	9.7 ₁₂	8.6 ₂₀	8.4 ₄₇	9.4 ₁₉	8.3 ₂₅	9.3 ₈	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₈	1 0	G	T	18	GIOI	
		CN	7.2 ₄₂	8.5 ₂₂	9.7 ₆	9.3 ₇	9.2 ₄₂	9.5 ₁₈	8.3 ₂₃	8.5 ₄₃	8.8 ₂₈	8.5 ₂₃	8.8 ₁₇	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₉	2 0	G	T	19	GIOI	L
6	Huỳnh Tân Bảo Duy	HK1	7.0 ₃₂	7.4 ₃₈	8.2 ₃₉	8.0 ₄₀	9.1 ₃₇	8.9 ₄₁	7.7 ₃₅	8.9 ₁₉	8.0 ₃₈	8.0 ₃₅	8.2 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₈	0 0	K	T	38	TT	
		HK2	7.2 ₄₄	8.5 ₂₉	8.0 ₃₉	6.9 ₄₉	9.6 ₂₉	9.5 ₂₅	8.2 ₃₄	9.2 ₁₇	8.3 ₄₂	8.0 ₃₁	7.9 ₃₇	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₇	0 0	G	T	32	GIOI	
		CN	7.1 ₄₃	8.1 ₃₁	8.1 ₄₀	7.3 ₄₆	9.4 ₃₅	9.3 ₃₀	8.0 ₃₃	9.1 ₁₆	8.2 ₄₁	8.0 ₃₁	8.0 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₆	0 0	G	T	33	GIOI	L
7	Lê Thị Thủy Dương	HK1	7.0 ₃₂	7.3 ₄₀	8.1 ₄₀	7.2 ₅₀	9.3 ₂₉	8.7 ₄₆	8.1 ₁₆	8.9 ₁₉	7.5 ₄₇	8.0 ₃₅	6.9 ₅₁	Đ	Đ	Đ	7.9 ₄₃	3 0	K	T	42	TT	
		HK2	7.7 ₃₁	8.4 ₃₃	8.7 ₂₈	8.6 ₂₀	9.7 ₁₈	9.0 ₃₉	8.6 ₂₀	8.9 ₃₁	9.4 ₁₉	7.6 ₃₈	9.2 ₁₁	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₃	0 0	G	T	22	GIOI	
		CN	7.5 ₂₆	8.0 ₃₃	8.5 ₃₀	8.1 ₂₉	9.6 ₁₉	8.9 ₄₂	8.4 ₂₀	8.9 ₂₉	8.8 ₂₈	7.7 ₃₈	8.4 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₁	3 0	G	T	29	GIOI	L
8	Lê Thiên Định	HK1	6.6 ₄₄	6.3 ₄₉	7.6 ₄₅	7.6 ₄₄	8.8 ₄₅	8.2 ₅₀	6.8 ₄₈	8.4 ₄₂	7.8 ₄₃	8.2 ₃₂	6.4 ₅₃	Đ	Đ	Đ	7.5 ₄₉	3 0	K	T	48	TT	
		HK2	7.1 ₄₇	7.1 ₄₉	8.6 ₃₀	6.9 ₄₉	9.3 ₄₃	9.6 ₁₈	7.6 ₄₄	8.9 ₃₁	8.1 ₄₄	7.5 ₄₀	7.6 ₄₃	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₄	0 0	K	K	52	TT	
		CN	6.9 ₄₇	6.8 ₄₉	8.3 ₃₅	7.1 ₄₉	9.1 ₄₆	9.1 ₃₆	7.3 ₄₉	8.7 ₃₉	8.0 ₄₄	7.7 ₃₈	7.2 ₄₈	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₈	3 0	K	K	52	TT	L
9	Võ Văn Song Hào	HK1	6.8 ₃₈	7.5 ₃₄	8.9 ₂₁	8.1 ₃₇	9.0 ₄₄	9.6 ₆	8.1 ₁₆	9.2 ₉	8.9 ₂₃	8.4 ₂₆	8.2 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	2 0	K	T	28	TT	
		HK2	7.7 ₃₁	8.7 ₂₅	8.0 ₃₉	8.3 ₂₄	9.4 ₄₀	8.8 ₄₃	7.9 ₃₉	8.5 ₄₄	9.0 ₂₉	8.3 ₂₅	7.7 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₃	0 0	G	K	38	TT	
		CN	7.4 ₃₃	8.3 ₂₈	8.3 ₃₅	8.2 ₂₇	9.3 ₃₉	9.1 ₃₆	8.0 ₃₃	8.7 ₃₉	9.0 ₂₅	8.3 ₂₈	7.9 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₁	2 0	G	T	29	GIOI	L
10	Nguyễn Thụy Khánh Hân	HK1	7.4 ₂₀	7.9 ₂₆	7.4 ₅₀	9.1 ₁₂	9.3 ₂₉	9.4 ₁₅	6.8 ₄₈	8.9 ₁₉	8.1 ₃₆	8.1 ₃₃	8.4 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₂	2 0	K	T	33	TT	
		HK2	7.6 ₃₆	8.5 ₂₉	8.0 ₃₉	8.1 ₂₉	9.9 ₁	8.9 ₄₁	7.7 ₄₂	9.1 ₂₂	8.0 ₄₆	7.0 ₄₉	7.7 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₉	8 0	G	T	34	GIOI	
		CN	7.5 ₂₆	8.3 ₂₈	7.8 ₄₅	8.4 ₂₄	9.7 ₁₀	9.1 ₃₆	7.4 ₄₆	9.0 ₂₄	8.0 ₄₄	7.4 ₄₆	7.9 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₆	10 0	G	T	33	GIOI	L
11	Trần Hoàng Hiệp	HK1	7.3 ₂₁	8.5 ₁₈	8.1 ₄₀	8.8 ₁₈	9.6 ₁₃	9.3 ₂₅	7.9 ₂₈	8.9 ₁₉	8.6 ₂₈	9.2 ₁₀	8.9 ₁₈	Đ	Đ	Đ	8.6 ₂₀	0 0	G	T	18	GIOI	
		HK2	7.9 ₁₈	8.9 ₁₈	9.4 ₁₆	7.8 ₃₃	9.7 ₁₈	9.8 ₉	7.4 ₄₉	9.5 ₃	9.5 ₁₅	9.5 ₁₁	8.4 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₈	0 0	G	T	18	GIOI	
		CN	7.7 ₁₉	8.8 ₁₆	9.0 ₂₂	8.1 ₂₉	9.7 ₁₀	9.6 ₁₂	7.6 ₄₁	9.3 ₅	9.2 ₂₃	9.4 ₁₀	8.6 ₂₁	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₉	0 0	G	T	19	GIOI	L
12	Lê Minh Hiếu	HK1	7.9 ₇	9.9 ₁	9.6 ₆	9.5 ₄	9.7 ₄	9.5 ₁₀	7.1 ₄₄	9.3 ₇	9.5 ₁₀	9.7 ₂	8.9 ₁₈	Đ	Đ	Đ	9.1 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		HK2	8.4 ₈	9.2 ₇	9.6 ₉	9.7 ₁	9.7 ₁₈	9.9 ₃	9.8 ₁	9.2 ₁₇	9.9 ₁	9.7 ₅	9.6 ₄	Đ	Đ	Đ	9.5 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
12	Lê Minh Hiếu	CN	8.2 ₈	9.4 ₂	9.6 ₇	9.6 ₁	9.7 ₁₀	9.8 ₂	8.9 ₅	9.2 ₈	9.8 ₁	9.7 ₄	9.4 ₅	Đ	Đ	Đ	9.4 ₄	0 0	G	T	4	GIOI	L
13	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	HK1	6.0 ₅₃	5.4 ₅₂	6.9 ₅₃	7.1 ₅₁	7.7 ₅₄	6.8 ₅₃	6.6 ₅₁	7.0 ₅₄	7.8 ₄₃	8.1 ₃₃	5.6 ₅₄	Đ	Đ	Đ	6.8 ₅₄	3 0	Tb	T	54		
		HK2	6.5 ₅₂	5.7 ₅₃	5.5 ₅₄	7.0 ₄₇	7.8 ₅₄	8.2 ₄₉	6.4 ₅₄	7.7 ₅₂	7.1 ₅₂	6.1 ₅₄	6.2 ₅₄	Đ	Đ	Đ	6.7 ₅₄	4 0	K	T	50	TT	
		CN	6.3 ₅₃	5.6 ₅₂	6.0 ₅₄	7.0 ₅₁	7.8 ₅₄	7.7 ₅₃	6.5 ₅₄	7.5 ₅₄	7.3 ₅₀	6.8 ₅₄	6.0 ₅₄	Đ	Đ	Đ	6.8 ₅₄	7 0	Tb	T	54		L
14	Nguyễn Vũ Gia Huy	HK1	6.2 ₅₁	6.5 ₄₇	7.1 ₅₂	8.5 ₂₆	8.3 ₅₀	8.8 ₄₃	8.1 ₁₆	7.2 ₅₃	8.5 ₃₁	8.6 ₂₁	8.1 ₃₈	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₄	0 0	K	T	43	TT	
		HK2	7.9 ₁₈	6.7 ₅₁	7.8 ₄₄	7.7 ₃₆	9.6 ₂₉	9.7 ₁₂	6.8 ₅₃	9.2 ₁₇	8.5 ₃₉	7.4 ₄₄	6.6 ₅₂	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₄	1 0	K	T	43	TT	
		CN	7.3 ₃₇	6.6 ₅₀	7.6 ₄₈	8.0 ₃₃	9.2 ₄₂	9.4 ₂₄	7.2 ₅₀	8.5 ₄₃	8.5 ₃₅	7.8 ₃₄	7.1 ₅₀	Đ	Đ	Đ	7.9 ₄₆	1 0	K	T	45	TT	L
15	Trương Trần Hoàng Huy	HK1	7.6 ₁₆	7.9 ₂₆	9.1 ₁₈	9.4 ₆	9.7 ₄	9.1 ₃₇	9.2 ₁	9.4 ₅	8.9 ₂₃	9.0 ₁₄	7.9 ₄₄	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₅	2 0	K	T	23	TT	
		HK2	8.1 ₁₃	9.2 ₇	9.5 ₁₂	8.3 ₂₄	9.6 ₂₉	9.6 ₁₈	8.8 ₁₅	9.4 ₅	9.5 ₁₅	9.6 ₇	8.5 ₂₂	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	1 0	G	T	14	GIOI	
		CN	7.9 ₁₄	8.8 ₁₆	9.4 ₁₂	8.7 ₁₉	9.6 ₁₉	9.4 ₂₄	8.9 ₅	9.4 ₄	9.3 ₁₇	9.4 ₁₀	8.3 ₂₇	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₄	3 0	G	T	14	GIOI	L
16	Châu Từ Quốc Khang	HK1	7.3 ₂₁	8.6 ₁₅	8.6 ₂₆	8.7 ₂₂	8.0 ₅₃	8.8 ₄₃	7.9 ₂₈	8.1 ₄₈	9.6 ₇	8.9 ₁₇	9.3 ₁₀	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₁	0 0	G	T	19	GIOI	
		HK2	7.8 ₂₅	8.3 ₃₅	8.4 ₃₄	7.8 ₃₃	9.5 ₃₆	8.5 ₄₆	9.1 ₇	8.7 ₄₀	9.2 ₂₆	8.6 ₂₀	8.1 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.5 ₃₂	0 0	G	T	28	GIOI	
		CN	7.6 ₂₃	8.4 ₂₆	8.5 ₃₀	8.1 ₂₉	9.0 ₄₉	8.6 ₄₅	8.7 ₁₄	8.5 ₄₃	9.3 ₁₇	8.7 ₂₀	8.5 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₇	0 0	G	T	26	GIOI	L
17	Nguyễn Tấn Khang	HK1	8.1 ₄	9.2 ₄	10 ₁	9.4 ₆	9.8 ₁	9.6 ₆	8.7 ₃	9.9 ₁	9.7 ₃	9.6 ₅	9.3 ₁₀	Đ	Đ	Đ	9.4 ₂	3 0	G	T	2	GIOI	
		HK2	8.6 ₅	9.4 ₄	9.8 ₅	9.5 ₅	9.9 ₁	9.8 ₉	8.9 ₁₄	9.5 ₃	9.7 ₅	9.9 ₂	9.8 ₁	Đ	Đ	Đ	9.5 ₃	3 0	G	T	3	GIOI	
		CN	8.4 ₄	9.3 ₄	9.9 ₂	9.5 ₄	9.9 ₁	9.7 ₅	8.8 ₁₀	9.6 ₂	9.7 ₄	9.8 ₂	9.6 ₃	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	6 0	G	T	2	GIOI	L
18	Trương Minh Khang	HK1	6.9 ₃₆	6.6 ₄₅	7.5 ₄₈	8.3 ₃₁	9.4 ₂₂	8.9 ₄₁	8.8 ₂	8.6 ₃₆	8.2 ₃₄	7.4 ₄₇	8.6 ₂₅	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₈	9 0	K	T	38	TT	
		HK2	7.2 ₄₄	7.3 ₄₈	8.6 ₃₀	7.3 ₄₄	9.8 ₇	8.3 ₄₈	7.7 ₄₂	8.3 ₄₈	7.9 ₄₇	7.8 ₃₄	7.6 ₄₃	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₄	1 0	K	T	43	TT	
		CN	7.1 ₄₃	7.1 ₄₈	8.2 ₃₉	7.6 ₄₁	9.7 ₁₀	8.5 ₄₆	8.1 ₃₀	8.4 ₄₇	8.0 ₄₄	7.7 ₃₈	7.9 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₂	10 0	K	T	42	TT	L
19	Ngô Đặng Thanh Lan	HK1	7.8 ₉	5.0 ₅₃	6.8 ₅₄	5.9 ₅₃	8.8 ₄₅	8.1 ₅₂	7.3 ₄₁	7.9 ₄₉	7.5 ₄₇	6.9 ₅₃	7.4 ₄₈	Đ	Đ	Đ	7.2 ₅₃	1 0	K	T	51	TT	
		HK2	7.3 ₄₂	5.1 ₅₄	5.8 ₅₃	6.6 ₅₁	9.3 ₄₃	8.4 ₄₇	7.5 ₄₆	7.5 ₅₃	6.1 ₅₄	6.9 ₅₂	7.2 ₄₈	Đ	Đ	Đ	7.1 ₅₃	2 0	K	T	49	TT	
		CN	7.5 ₂₆	5.1 ₅₄	6.1 ₅₃	6.4 ₅₃	9.1 ₄₆	8.3 ₅₀	7.4 ₄₆	7.6 ₅₂	6.6 ₅₄	6.9 ₅₂	7.3 ₄₇	Đ	Đ	Đ	7.1 ₅₃	3 0	K	T	50	TT	L
20	Hồ Tùng Linh	HK1	6.7 ₄₁	7.1 ₄₁	8.6 ₂₆	7.6 ₄₄	9.3 ₂₉	9.5 ₁₀	7.3 ₄₁	9.3 ₇	9.3 ₁₅	9.0 ₁₄	8.5 ₂₉	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	0 0	K	T	28	TT	
		HK2	7.8 ₂₅	8.5 ₂₉	8.5 ₃₃	8.1 ₂₉	9.5 ₃₆	9.5 ₂₅	8.8 ₁₅	8.9 ₃₁	8.9 ₃₀	8.4 ₂₃	8.2 ₂₉	Đ	Đ	Đ	8.6 ₂₈	0 0	G	T	26	GIOI	
		CN	7.4 ₃₃	8.0 ₃₃	8.5 ₃₀	7.9 ₃₆	9.4 ₃₅	9.5 ₁₈	8.3 ₂₃	9.0 ₂₄	9.0 ₂₅	8.6 ₂₁	8.3 ₂₇	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₇	0 0	G	T	26	GIOI	L
21	Nguyễn Huy Lộc	HK1	6.4 ₄₆	8.1 ₂₃	7.9 ₄₃	8.5 ₂₆	9.3 ₂₉	9.4 ₁₅	7.3 ₄₁	8.4 ₄₂	8.7 ₂₅	8.4 ₂₆	8.9 ₁₈	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₂	3 0	K	T	33	TT	
		HK2	6.9 ₅₁	7.4 ₄₆	8.0 ₃₉	7.0 ₄₇	9.2 ₄₇	7.9 ₅₃	7.5 ₄₆	9.1 ₂₂	8.6 ₃₇	8.4 ₂₃	8.2 ₂₉	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₄	4 0	K	T	43	TT	
		CN	6.7 ₅₁	7.6 ₄₁	8.0 ₄₁	7.5 ₄₃	9.2 ₄₂	8.4 ₄₈	7.4 ₄₆	8.9 ₂₉	8.6 ₃₁	8.4 ₂₅	8.4 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.1 ₄₁	7 0	K	T	41	TT	L
22	Phương Thanh Mai	HK1	6.7 ₄₁	7.1 ₄₁	8.9 ₂₁	8.5 ₂₆	9.7 ₄	9.3 ₂₅	8.3 ₁₃	8.3 ₄₅	7.5 ₄₇	8.0 ₃₅	8.2 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₆	1 0	K	T	36	TT	
		HK2	7.7 ₃₁	7.6 ₄₄	8.6 ₃₀	9.0 ₁₆	9.3 ₄₃	9.6 ₁₈	8.6 ₂₀	9.4 ₅	9.2 ₂₆	7.8 ₃₄	8.2 ₂₉	Đ	Đ	Đ	8.6 ₂₈	0 0	K	K	51	TT	
		CN	7.4 ₃₃	7.4 ₄₆	8.7 ₂₆	8.8 ₁₇	9.4 ₃₅	9.5 ₁₈	8.5 ₁₈	9.0 ₂₄	8.6 ₃₁	7.9 ₃₂	8.2 ₃₂	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₇	1 0	K	T	37	TT	L
23	Võ Thị Thanh Mai	HK1	6.7 ₄₁	6.3 ₄₉	7.3 ₅₁	6.0 ₅₂	9.1 ₃₇	8.2 ₅₀	7.9 ₂₈	8.6 ₃₆	6.6 ₅₂	7.7 ₄₂	6.5 ₅₂	Đ	Đ	Đ	7.4 ₅₂	2 0	K	T	50	TT	
		HK2	7.0 ₄₉	8.1 ₃₈	8.3 ₃₅	7.6 ₃₈	8.7 ₅₃	8.6 ₄₅	8.6 ₂₀	9.0 ₂₈	7.5 ₅₁	8.5 ₂₂	7.9 ₃₇	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₉	0 0	G	K	39	TT	
		CN	6.9 ₄₇	7.5 ₄₃	8.0 ₄₁	7.1 ₄₉	8.8 ₅₁	8.5 ₄₆	8.4 ₂₀	8.9 ₂₉	7.2 ₅₁	8.2 ₂₉	7.4 ₄₆	Đ	Đ	Đ	7.9 ₄₆	2 0	K	T	45	TT	L
24	Nguyễn Phương Thảo My	HK1	7.5 ₁₈	5.0 ₅₃	8.3 ₃₇	5.9 ₅₃	9.3 ₂₉	9.5 ₁₀	7.6 ₃₇	9.1 ₁₁	6.5 ₅₃	8.5 ₂₅	7.8 ₄₇	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₆	4 0	K	T	45	TT	
		HK2	7.8 ₂₅	5.9 ₅₂	7.3 ₅₀	6.0 ₅₄	9.6 ₂₉	8.9 ₄₁	6.9 ₅₂	8.8 ₃₇	6.8 ₅₃	8.3 ₂₅	6.8 ₄₉	Đ	Đ	Đ	7.6 ₅₀	6 0	K	T	47	TT	
		CN	7.7 ₁₉	5.6 ₅₂	7.6 ₄₈	6.0 ₅₄	9.5 ₂₇	9.1 ₃₆	7.1 ₅₁	8.9 ₂₉	6.7 ₅₃	8.4 ₂₅	7.1 ₅₀	Đ	Đ	Đ	7.6 ₅₀	10 0	K	T	48	TT	L
25	Nguyễn Hoàng Nam	HK1	6.2 ₅₁	6.5 ₄₇	8.6 ₂₆	7.4 ₄₇	9.2 ₃₅	8.5 ₄₈	7.0 ₄₆	8.4 ₄₂	8.0 ₃₈	8.8 ₂₀	9.1 ₁₄	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₁	1 0	K	T	41	TT	
		HK2	7.3 ₄₂	8.5 ₂₉	8.7 ₂₈	7.3 ₄₄	9.6 ₂₉	9.3 ₃₃	8.4 ₂₇	9.1 ₂₂	7.9 ₄₇	8.2 ₂₉	7.6 ₄₃	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₃	0 0	G	T	29	GIOI	
		CN	6.9 ₄₇	7.8 ₃₈	8.7 ₂₆	7.3 ₄₆	9.5 ₂₇	9.0 ₄₁	7.9 ₃₅	8.9 ₂₉	7.9 ₄₇	8.4 ₂₅	8.1 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₆	1 0	K	T	39	TT	L

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
26	Đoàn Ngọc Kim Ngân	HK1	8.4 ₂	9.1 ₆	9.9 ₃	9.2 ₁₀	9.6 ₁₃	9.6 ₆	8.1 ₁₆	8.6 ₃₆	9.3 ₁₅	9.6 ₅	9.7 ₂	Đ	Đ	Đ	9.2 ₄	0 0	G	T	4	GIOI	
		HK2	8.8 ₁	9.6 ₂	10 ₁	9.7 ₁	9.7 ₁₈	9.9 ₃	9.7 ₂	9.3 ₁₃	9.6 ₉	9.7 ₅	9.4 ₅	Đ	Đ	Đ	9.6 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	
		CN	8.7 ₁	9.4 ₂	10 ₁	9.5 ₄	9.7 ₁₀	9.8 ₂	9.2 ₂	9.1 ₁₆	9.5 ₁₀	9.7 ₄	9.5 ₄	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	L
27	Nguyễn Bảo Gia Nghi	HK1	8.0 ₆	9.1 ₆	9.6 ₆	9.9 ₁	9.8 ₁	9.3 ₂₅	8.6 ₈	9.7 ₃	9.7 ₃	9.4 ₇	9.4 ₇	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	2 0	G	T	3	GIOI	
		HK2	8.5 ₇	9.4 ₄	9.2 ₂₀	9.2 ₉	9.9 ₁	9.6 ₁₈	9.6 ₃	8.8 ₃₇	9.6 ₉	9.8 ₄	9.2 ₁₁	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	5 0	G	T	5	GIOI	
		CN	8.3 ₇	9.3 ₄	9.3 ₁₇	9.4 ₆	9.9 ₁	9.5 ₁₈	9.3 ₁	9.1 ₁₆	9.6 ₈	9.7 ₄	9.3 ₈	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	7 0	G	T	5	GIOI	L
28	Phạm Nguyễn Phương Nghi	HK1	7.7 ₁₃	8.2 ₂₂	9.4 ₁₂	8.6 ₂₄	9.3 ₂₉	9.5 ₁₀	8.2 ₁₄	8.9 ₁₉	9.7 ₃	9.2 ₁₀	8.4 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₅	0 0	G	T	15	GIOI	
		HK2	8.7 ₄	8.8 ₂₂	9.6 ₉	8.6 ₂₀	9.8 ₇	9.6 ₁₈	9.0 ₁₁	9.2 ₁₇	9.8 ₃	9.4 ₁₂	8.1 ₃₄	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		CN	8.4 ₄	8.6 ₂₁	9.5 ₉	8.6 ₂₂	9.6 ₁₉	9.6 ₁₂	8.7 ₁₄	9.1 ₁₆	9.8 ₁	9.3 ₁₂	8.2 ₃₂	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	L
29	Lê Hữu Bảo Ngọc	HK1	7.8 ₉	8.9 ₉	9.5 ₁₀	9.2 ₁₀	9.5 ₁₈	9.3 ₂₅	8.7 ₃	9.0 ₁₆	8.6 ₂₈	9.2 ₁₀	9.1 ₁₄	Đ	Đ	Đ	9.0 ₉	2 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	8.4 ₈	9.5 ₃	8.9 ₂₄	9.2 ₉	9.8 ₇	9.6 ₁₈	9.4 ₄	9.3 ₁₃	9.7 ₅	9.6 ₇	8.6 ₂₀	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	2 0	G	T	5	GIOI	
		CN	8.2 ₈	9.3 ₄	9.1 ₂₀	9.2 ₁₁	9.7 ₁₀	9.5 ₁₈	9.2 ₂	9.2 ₈	9.3 ₁₇	9.5 ₈	8.8 ₁₇	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	4 0	G	T	8	GIOI	L
30	Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	HK1	7.0 ₃₂	8.4 ₂₀	8.6 ₂₆	8.8 ₁₈	8.2 ₅₂	8.4 ₄₉	6.4 ₅₂	8.7 ₃₂	8.2 ₃₄	7.7 ₄₂	8.4 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₈	0 0	K	T	38	TT	
		HK2	7.5 ₃₈	8.9 ₁₈	8.3 ₃₅	7.6 ₃₈	9.6 ₂₉	8.1 ₅₀	8.1 ₃₆	9.3 ₁₃	8.7 ₃₁	7.0 ₄₉	7.7 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₇	1 0	G	T	32	GIOI	
		CN	7.3 ₃₇	8.7 ₁₉	8.4 ₃₄	8.0 ₃₃	9.1 ₄₆	8.2 ₅₁	7.5 ₄₅	9.1 ₁₆	8.5 ₃₅	7.2 ₄₈	7.9 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₆	1 0	G	T	33	GIOI	L
31	Phạm Thành Nhân	HK1	6.9 ₃₆	8.7 ₁₂	9.3 ₁₅	8.5 ₂₆	9.6 ₁₃	9.4 ₁₅	7.8 ₃₁	9.1 ₁₁	9.3 ₁₅	8.9 ₁₇	9.6 ₃	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₅	2 0	G	T	15	GIOI	
		HK2	7.8 ₂₅	9.1 ₁₀	9.5 ₁₂	8.2 ₂₆	9.7 ₁₈	9.7 ₁₂	8.6 ₂₀	9.1 ₂₂	9.6 ₉	8.8 ₁₈	8.7 ₁₈	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₆	0 0	G	T	16	GIOI	
		CN	7.5 ₂₆	9.0 ₁₀	9.4 ₁₂	8.3 ₂₅	9.7 ₁₀	9.6 ₁₂	8.3 ₂₃	9.1 ₁₆	9.5 ₁₀	8.8 ₁₇	9.0 ₁₃	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₆	2 0	G	T	16	GIOI	L
32	Lê Ngọc Ánh Nhi	HK1	7.8 ₉	7.5 ₃₄	8.5 ₃₀	8.6 ₂₄	9.5 ₁₈	9.4 ₁₅	7.7 ₃₅	8.9 ₁₉	9.0 ₂₁	8.0 ₃₅	8.6 ₂₅	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₁	1 0	K	T	25	TT	
		HK2	8.4 ₈	8.9 ₁₈	8.2 ₃₇	8.1 ₂₉	9.6 ₂₉	9.9 ₃	8.6 ₂₀	9.4 ₅	9.4 ₁₉	7.5 ₄₀	8.1 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₃	1 0	G	T	22	GIOI	
		CN	8.2 ₈	8.4 ₂₆	8.3 ₃₅	8.3 ₂₅	9.6 ₁₉	9.7 ₅	8.3 ₂₃	9.2 ₈	9.3 ₁₇	7.7 ₃₈	8.3 ₂₇	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₁	2 0	G	T	21	GIOI	L
33	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	HK1	8.6 ₁	8.7 ₁₂	9.9 ₃	8.7 ₂₂	9.7 ₄	9.7 ₄	8.7 ₃	9.4 ₅	9.4 ₁₁	8.6 ₂₁	9.4 ₇	Đ	Đ	Đ	9.2 ₄	0 0	G	T	4	GIOI	
		HK2	8.8 ₁	9.0 ₁₃	9.2 ₂₀	8.8 ₁₉	9.9 ₁	9.5 ₂₅	8.8 ₁₅	9.6 ₂	9.8 ₃	9.3 ₁₃	8.4 ₂₃	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₁	0 0	G	T	11	GIOI	
		CN	8.7 ₁	8.9 ₁₄	9.4 ₁₂	8.8 ₁₇	9.8 ₃	9.6 ₁₂	8.8 ₁₀	9.5 ₃	9.7 ₄	9.1 ₁₄	8.7 ₁₉	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	L
34	Trương Ngọc Minh Như	HK1	7.1 ₃₀	8.6 ₁₅	8.7 ₂₅	8.3 ₃₁	9.5 ₁₈	9.3 ₂₅	6.9 ₄₇	8.9 ₁₉	8.7 ₂₅	7.4 ₄₇	8.1 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₂	0 0	G	T	22	GIOI	
		HK2	7.9 ₁₈	8.4 ₃₃	9.0 ₂₂	6.6 ₅₁	9.9 ₁	9.4 ₂₉	8.0 ₃₈	8.5 ₄₄	9.2 ₂₆	7.7 ₃₇	8.2 ₂₉	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₃	1 0	G	T	29	GIOI	
		CN	7.6 ₂₃	8.5 ₂₂	8.9 ₂₄	7.2 ₄₈	9.8 ₃	9.4 ₂₄	7.6 ₄₁	8.6 ₄₂	9.0 ₂₅	7.6 ₄₃	8.2 ₃₂	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₁	1 0	G	T	29	GIOI	L
35	Lê Thị Mỹ Nương	HK1	7.5 ₁₈	8.0 ₂₄	9.1 ₁₈	8.9 ₁₇	9.4 ₂₂	9.4 ₁₅	8.7 ₃	9.0 ₁₆	9.1 ₁₉	8.3 ₃₀	8.6 ₂₅	Đ	Đ	Đ	8.7 ₁₈	2 0	G	T	17	GIOI	
		HK2	8.0 ₁₇	8.7 ₂₅	9.6 ₉	8.6 ₂₀	9.7 ₁₈	9.9 ₃	8.7 ₁₈	9.0 ₂₈	9.6 ₉	8.6 ₂₀	8.6 ₂₀	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₆	2 0	G	T	16	GIOI	
		CN	7.8 ₁₇	8.5 ₂₂	9.4 ₁₂	8.7 ₁₉	9.6 ₁₉	9.7 ₅	8.7 ₁₄	9.0 ₂₄	9.4 ₁₅	8.5 ₂₃	8.6 ₂₁	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₆	4 0	G	T	16	GIOI	L
36	Giang Hoàng Phát	HK1	5.8 ₅₄	6.1 ₅₁	7.6 ₄₅	8.1 ₃₇	9.1 ₃₇	8.7 ₄₆	7.4 ₃₈	7.6 ₅₂	6.8 ₅₁	7.4 ₄₇	8.1 ₃₈	Đ	Đ	Đ	7.5 ₄₉	1 0	Tb	T	53		
		HK2	6.4 ₅₃	6.8 ₅₀	7.3 ₅₀	7.4 ₄₂	9.4 ₄₀	9.3 ₃₃	7.0 ₅₁	8.5 ₄₄	8.1 ₄₄	7.0 ₄₉	7.9 ₃₇	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₉	0 0	K	T	46	TT	
		CN	6.2 ₅₄	6.6 ₅₀	7.4 ₅₁	7.6 ₄₁	9.3 ₃₉	9.1 ₃₆	7.1 ₅₁	8.2 ₄₉	7.7 ₄₈	7.1 ₅₁	8.0 ₃₈	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₉	1 0	K	T	47	TT	L
37	Trần Vĩnh Phát	HK1	6.6 ₄₄	9.1 ₆	10 ₁	9.0 ₁₅	9.5 ₁₈	9.4 ₁₅	8.1 ₁₆	8.8 ₃₁	9.8 ₁	9.4 ₇	8.8 ₂₁	Đ	Đ	Đ	9.0 ₉	1 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	7.9 ₁₈	9.3 ₆	9.9 ₄	9.4 ₆	9.8 ₇	9.8 ₉	9.1 ₇	9.1 ₂₂	9.7 ₅	9.6 ₇	9.1 ₁₃	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	0 0	G	T	5	GIOI	
		CN	7.5 ₂₆	9.2 ₇	9.9 ₂	9.3 ₇	9.7 ₁₀	9.7 ₅	8.8 ₁₀	9.0 ₂₄	9.7 ₄	9.5 ₈	9.0 ₁₃	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	1 0	G	T	8	GIOI	L
38	Võ Trần Mỹ Phụng	HK1	7.2 ₂₄	8.9 ₉	8.4 ₃₃	8.2 ₃₄	9.1 ₃₇	9.3 ₂₅	7.1 ₄₄	8.7 ₃₂	8.6 ₂₈	8.4 ₂₆	8.7 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	0 0	G	T	21	GIOI	
		HK2	7.4 ₄₁	8.8 ₂₂	9.0 ₂₂	8.2 ₂₆	9.8 ₇	9.5 ₂₅	8.6 ₂₀	8.9 ₃₁	9.5 ₁₅	9.1 ₁₅	9.0 ₁₅	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₈	0 0	G	T	18	GIOI	
		CN	7.3 ₃₇	8.8 ₁₆	8.8 ₂₅	8.2 ₂₇	9.6 ₁₉	9.4 ₂₄	8.1 ₃₀	8.8 ₃₅	9.2 ₂₃	8.9 ₁₅	8.9 ₁₅	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₁	0 0	G	T	21	GIOI	L
39	Hoàng Thi Anh Quân	HK1	8.3 ₃	9.8 ₂	9.9 ₃	9.7 ₂	9.7 ₄	9.8 ₁	8.7 ₃	9.7 ₃	9.7 ₃	9.9 ₁	9.8 ₁	Đ	Đ	Đ	9.5 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
39	Hoàng Thi Anh Quân	HK2	8.8 ₁	9.9 ₁	9.3 ₁₈	9.6 ₄	9.8 ₇	10 ₁	9.3 ₆	9.7 ₁	9.9 ₁	10 ₁	9.8 ₁	Đ	Đ	Đ	9.6 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	
		CN	8.6 ₃	9.9 ₁	9.5 ₉	9.6 ₁	9.8 ₃	9.9 ₁	9.1 ₄	9.7 ₁	9.8 ₁	10 ₁	9.8 ₁	Đ	Đ	Đ	9.6 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	L
40	Huỳnh Nguyễn Thế Thạch	HK1	6.4 ₄₆	8.3 ₂₁	7.5 ₄₈	7.4 ₄₇	8.3 ₅₀	6.8 ₅₃	7.4 ₃₈	7.8 ₅₀	7.9 ₄₂	7.6 ₄₄	7.2 ₅₀	Đ	Đ	Đ	7.5 ₄₉	0 0	K	T	48	TT	
		HK2	7.0 ₄₉	7.9 ₄₀	6.1 ₅₂	6.3 ₅₃	8.8 ₅₂	8.0 ₅₁	8.1 ₃₆	7.5 ₅₃	8.4 ₄₁	7.6 ₃₈	6.8 ₄₉	Đ	Đ	Đ	7.5 ₅₁	0 0	K	T	48	TT	
		CN	6.8 ₅₀	8.0 ₃₃	6.6 ₅₂	6.7 ₅₂	8.6 ₅₃	7.6 ₅₄	7.9 ₃₅	7.6 ₅₂	8.2 ₄₁	7.6 ₄₃	6.9 ₅₂	Đ	Đ	Đ	7.5 ₅₂	0 0	K	T	49	TT	L
41	Nguyễn Kiều Thu Thảo	HK1	6.8 ₃₈	6.9 ₄₃	7.6 ₄₅	8.0 ₄₀	9.1 ₃₇	8.8 ₄₃	6.1 ₅₃	8.2 ₄₆	7.4 ₅₀	7.9 ₄₀	8.4 ₃₀	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₆	1 0	K	T	45	TT	
		HK2	7.7 ₃₁	7.6 ₄₄	7.6 ₄₇	7.8 ₃₃	9.7 ₁₈	9.0 ₃₉	8.3 ₃₀	8.3 ₄₈	7.9 ₄₇	7.8 ₃₄	7.6 ₄₃	Đ	Đ	Đ	8.1 ₄₂	1 0	K	T	42	TT	
		CN	7.4 ₃₃	7.4 ₄₆	7.6 ₄₈	7.9 ₃₆	9.5 ₂₇	8.9 ₄₂	7.6 ₄₁	8.3 ₄₈	7.7 ₄₈	7.8 ₃₄	7.9 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₂	2 0	K	T	42	TT	L
42	Nguyễn Võ Khang Thịnh	HK1	7.7 ₁₃	8.5 ₁₈	9.6 ₆	9.4 ₆	9.7 ₄	9.3 ₂₅	8.6 ₈	9.1 ₁₁	9.6 ₇	9.7 ₂	9.6 ₃	Đ	Đ	Đ	9.2 ₄	0 0	G	T	4	GIOI	
		HK2	8.2 ₁₁	9.2 ₇	10 ₁	9.2 ₉	9.9 ₁	9.9 ₃	9.0 ₁₁	9.1 ₂₂	9.4 ₁₉	9.9 ₂	8.9 ₁₆	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	8 0	G	T	5	GIOI	
		CN	8.0 ₁₂	9.0 ₁₀	9.9 ₂	9.3 ₇	9.8 ₃	9.7 ₅	8.9 ₅	9.1 ₁₆	9.5 ₁₀	9.8 ₂	9.1 ₁₂	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	8 0	G	T	5	GIOI	L
43	Nguyễn Thị Thanh Thúy	HK1	7.2 ₂₄	8.0 ₂₄	9.5 ₁₀	9.4 ₆	9.6 ₁₃	9.4 ₁₅	8.4 ₁₂	8.9 ₁₉	9.1 ₁₉	9.3 ₉	8.8 ₂₁	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₂	1 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	7.6 ₃₆	9.0 ₁₃	10 ₁	9.3 ₇	9.5 ₃₆	9.3 ₃₃	9.1 ₇	8.7 ₄₀	8.7 ₃₁	8.2 ₂₉	8.7 ₁₈	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₈	4 0	G	K	36	TT	
		CN	7.5 ₂₆	8.7 ₁₉	9.8 ₅	9.3 ₇	9.5 ₂₇	9.3 ₃₀	8.9 ₅	8.8 ₃₅	8.8 ₂₈	8.6 ₂₁	8.7 ₁₉	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₆	5 0	G	T	16	GIOI	L
44	Phạm Nguyễn Anh Thư	HK1	7.2 ₂₄	7.7 ₃₀	8.3 ₃₇	8.1 ₃₇	9.4 ₂₂	9.4 ₁₅	8.6 ₈	8.9 ₁₉	8.3 ₃₃	8.9 ₁₇	8.0 ₄₂	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	0 0	K	T	28	TT	
		HK2	7.7 ₃₁	8.3 ₃₅	8.8 ₂₇	8.1 ₂₉	9.5 ₃₆	9.2 ₃₇	8.3 ₃₀	8.9 ₃₁	8.2 ₄₃	8.8 ₁₈	6.8 ₄₉	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₃	0 0	G	T	29	GIOI	
		CN	7.5 ₂₆	8.1 ₃₁	8.6 ₂₉	8.1 ₂₉	9.5 ₂₇	9.3 ₃₀	8.4 ₂₀	8.9 ₂₉	8.2 ₄₁	8.8 ₁₇	7.2 ₄₈	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₁	0 0	G	T	29	GIOI	L
45	Tạ Nguyễn Anh Thư	HK1	6.3 ₄₈	7.7 ₃₀	8.4 ₃₃	8.0 ₄₀	8.6 ₄₉	9.0 ₄₀	6.1 ₅₃	8.5 ₄₀	8.0 ₃₈	7.8 ₄₁	7.3 ₄₉	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₄	0 0	K	T	43	TT	
		HK2	6.4 ₅₃	7.4 ₄₆	7.6 ₄₇	7.1 ₄₆	8.9 ₅₁	7.6 ₅₄	7.5 ₄₆	7.8 ₅₁	8.5 ₃₉	7.1 ₄₇	6.4 ₅₃	Đ	Đ	Đ	7.5 ₅₁	0 0	K	K	54	TT	
		CN	6.4 ₅₂	7.5 ₄₃	7.9 ₄₃	7.4 ₄₅	8.8 ₅₁	8.1 ₅₂	7.0 ₅₃	8.0 ₅₀	8.3 ₃₉	7.3 ₄₇	6.7 ₅₃	Đ	Đ	Đ	7.6 ₅₀	0 0	K	K	53	TT	L
46	Nguyễn Thị Ngọc Trân	HK1	7.0 ₃₂	8.9 ₉	8.5 ₃₀	8.3 ₃₁	9.6 ₁₃	9.1 ₃₇	8.0 ₂₇	8.5 ₄₀	8.7 ₂₅	7.3 ₅₀	9.1 ₁₄	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₁	2 0	G	T	19	GIOI	
		HK2	7.5 ₃₈	9.0 ₁₃	9.5 ₁₂	9.2 ₉	9.4 ₄₀	9.4 ₂₉	7.8 ₄₀	9.0 ₂₈	8.6 ₃₇	7.1 ₄₇	9.3 ₈	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₃	0 0	G	T	22	GIOI	
		CN	7.3 ₃₇	9.0 ₁₀	9.2 ₁₉	8.9 ₁₆	9.5 ₂₇	9.3 ₃₀	7.9 ₃₅	8.8 ₃₅	8.6 ₃₁	7.2 ₄₈	9.2 ₁₀	Đ	Đ	Đ	8.6 ₂₅	2 0	G	T	25	GIOI	L
47	Trương Khả Trân	HK1	7.3 ₂₁	7.7 ₃₀	9.1 ₁₈	8.2 ₃₄	9.4 ₂₂	9.1 ₃₇	6.8 ₄₈	9.1 ₁₁	8.1 ₃₆	8.6 ₂₁	7.9 ₄₄	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₂	3 0	K	T	33	TT	
		HK2	7.9 ₁₈	8.6 ₂₇	8.2 ₃₇	7.5 ₄₀	9.8 ₇	9.9 ₃	8.4 ₂₇	9.4 ₅	8.7 ₃₁	7.4 ₄₄	8.4 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.6 ₂₈	4 0	G	T	26	GIOI	
		CN	7.7 ₁₉	8.3 ₂₈	8.5 ₃₀	7.7 ₃₈	9.7 ₁₀	9.6 ₁₂	7.9 ₃₅	9.3 ₅	8.5 ₃₅	7.8 ₃₄	8.2 ₃₂	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₇	7 0	G	T	26	GIOI	L
48	Vũ Văn Trung	HK1	6.8 ₃₈	6.6 ₄₅	7.9 ₄₃	7.7 ₄₃	9.4 ₂₂	9.3 ₂₅	8.1 ₁₆	8.9 ₁₉	8.0 ₃₈	7.6 ₄₄	8.0 ₄₂	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₁	0 0	K	K	52	TT	
		HK2	7.1 ₄₇	7.9 ₄₀	7.7 ₄₅	7.7 ₃₆	9.1 ₄₉	8.0 ₅₁	7.4 ₄₉	8.6 ₄₃	8.7 ₃₁	7.5 ₄₀	8.2 ₂₉	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₄	0 0	K	K	52	TT	
		CN	7.0 ₄₆	7.5 ₄₃	7.8 ₄₅	7.7 ₃₈	9.2 ₄₂	8.4 ₄₈	7.6 ₄₁	8.7 ₃₉	8.5 ₃₅	7.5 ₄₅	8.1 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₂	0 0	K	K	51	TT	L
49	Lê Hữu Anh Tuấn	HK1	7.7 ₁₃	9.4 ₃	8.4 ₃₃	9.1 ₁₂	9.8 ₁	9.5 ₁₀	7.4 ₃₈	9.0 ₁₆	9.6 ₇	8.3 ₃₀	9.4 ₇	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₂	0 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	8.2 ₁₁	9.0 ₁₃	9.8 ₅	9.1 ₁₄	9.8 ₇	9.7 ₁₂	9.4 ₄	9.3 ₁₃	9.5 ₁₅	9.1 ₁₅	9.4 ₅	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	0 0	G	T	5	GIOI	
		CN	8.0 ₁₂	9.1 ₈	9.3 ₁₇	9.1 ₁₃	9.8 ₃	9.6 ₁₂	8.7 ₁₄	9.2 ₈	9.5 ₁₀	8.8 ₁₇	9.4 ₅	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₁	0 0	G	T	11	GIOI	L
50	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	HK1	7.2 ₂₄	7.9 ₂₆	9.4 ₁₂	9.0 ₁₅	9.2 ₃₅	9.6 ₆	8.1 ₁₆	8.9 ₁₉	9.0 ₂₁	8.4 ₂₆	9.1 ₁₄	Đ	Đ	Đ	8.7 ₁₈	0 0	K	T	24	TT	
		HK2	7.8 ₂₅	8.8 ₂₂	8.9 ₂₄	9.0 ₁₆	9.7 ₁₈	9.2 ₃₇	7.6 ₄₄	9.2 ₁₇	9.4 ₁₉	7.5 ₄₀	8.8 ₁₇	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₃	0 0	G	T	22	GIOI	
		CN	7.6 ₂₃	8.5 ₂₂	9.1 ₂₀	9.0 ₁₅	9.5 ₂₇	9.3 ₃₀	7.8 ₃₉	9.1 ₁₆	9.3 ₁₇	7.8 ₃₄	8.9 ₁₅	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₁	0 0	G	T	21	GIOI	L
51	Võ Nguyễn Nhã Uyên	HK1	6.3 ₄₈	7.5 ₃₄	8.1 ₄₀	7.4 ₄₇	9.1 ₃₇	9.3 ₂₅	7.8 ₃₁	8.2 ₄₆	6.1 ₅₄	6.9 ₅₃	8.1 ₃₈	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₆	0 0	K	T	45	TT	
		HK2	7.8 ₂₅	8.0 ₃₉	7.7 ₄₅	7.5 ₄₀	9.7 ₁₈	9.4 ₂₉	7.8 ₄₀	7.9 ₅₀	7.8 ₅₀	7.4 ₄₄	8.4 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.1 ₄₂	4 0	G	T	35	GIOI	
		CN	7.3 ₃₇	7.8 ₃₈	7.8 ₄₅	7.5 ₄₃	9.5 ₂₇	9.4 ₂₄	7.8 ₃₉	8.0 ₅₀	7.2 ₅₁	7.2 ₄₈	8.3 ₂₇	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₂	4 0	K	T	42	TT	L
52	Tạ Trần Minh Vy	HK1	6.3 ₄₈	7.7 ₃₀	9.2 ₁₇	8.8 ₁₈	8.7 ₄₇	9.4 ₁₅	7.8 ₃₁	9.1 ₁₁	9.3 ₁₅	8.0 ₃₅	8.7 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₁	2 0	K	T	25	TT	
		HK2	7.5 ₃₈	7.9 ₄₀	9.5 ₁₂	8.4 ₂₃	9.8 ₇	9.6 ₁₈	8.3 ₃₀	8.7 ₄₀	9.4 ₁₉	8.3 ₂₅	8.3 ₂₈	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₃	1 0	K	T	40	TT	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
52	Tạ Trần Minh Vy	CN	7.1 ₄₃	7.8 ₃₈	9.4 ₁₂	8.5 ₂₃	9.4 ₃₅	9.5 ₁₈	8.1 ₃₀	8.8 ₃₅	9.4 ₁₅	8.2 ₂₉	8.4 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.6 ₂₅	3 0	K	T	36	TT	L
53	Trần Thủy Vy	HK1	7.2 ₂₄	7.4 ₃₈	8.8 ₂₃	8.4 ₃₀	8.7 ₄₇	9.2 ₃₄	8.1 ₁₆	8.7 ₃₂	7.6 ₄₆	7.2 ₅₁	9.2 ₁₃	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₆	0 0	K	T	36	TT	
		HK2	7.9 ₁₈	8.2 ₃₇	8.0 ₃₉	8.9 ₁₈	9.2 ₄₇	9.4 ₂₉	8.4 ₂₇	9.4 ₅	8.7 ₃₁	6.7 ₅₃	9.3 ₈	Đ	Đ	Đ	8.6 ₂₈	0 0	G	K	37	TT	
		CN	7.7 ₁₉	7.9 ₃₇	8.3 ₃₅	8.7 ₁₉	9.0 ₄₉	9.3 ₃₀	8.3 ₂₃	9.2 ₈	8.3 ₃₉	6.9 ₅₂	9.3 ₈	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₁	0 0	K	T	38	TT	L
54	Dương Phi Yến	HK1	7.9 ₇	6.9 ₄₃	8.4 ₃₃	7.6 ₄₄	9.4 ₂₂	9.8 ₁	8.1 ₁₆	8.9 ₁₉	9.4 ₁₁	7.6 ₄₄	8.2 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	0 0	K	T	28	TT	
		HK2	8.6 ₅	8.6 ₂₇	8.9 ₂₄	8.2 ₂₆	9.7 ₁₈	9.7 ₁₂	8.7 ₁₈	9.4 ₅	9.6 ₉	8.0 ₃₁	8.4 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₈	2 0	G	T	18	GIOI	
		CN	8.4 ₄	8.0 ₃₃	8.7 ₂₆	8.0 ₃₃	9.6 ₁₉	9.7 ₅	8.5 ₁₈	9.2 ₈	9.5 ₁₀	7.9 ₃₂	8.3 ₂₇	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₁	2 0	G	T	21	GIOI	L

Số ngày nghỉ có phép:137

Số ngày nghỉ không phép:0

Hạnh kiểm:

- Tốt: 51

- Khá: 3

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

Học lực:

- Giỏi: 35

- Khá: 18

- Trung bình: 1

- Yếu: 0

- Kém: 0

Danh hiệu:

- Giỏi: 35

- Tiên tiến: 18

Ngày..... tháng..... năm

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)